

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **07/2019/DS-ST**
Ngày 30-5-2019
“V/v tranh chấp đòi tài sản
trong hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liệu

Ông Hoàng Xuân Mẫn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Lê Thị B-** sinh năm: 1966, “có mặt”

Địa chỉ: Số 13B/72 khu phố 11, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

-Bị đơn: Ông **Mai Văn V-** sinh năm 1946, “có mặt”

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 8, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bà **Nguyễn Thị H-** sinh năm 1953, “có mặt”

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 8, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Phan Khắc Đ-** sinh năm 1952, “vắng mặt”.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đá (theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2018):

Bà **Lê Thị B-** sinh năm: 1966, “có mặt”

Địa chỉ: Số 13/72 khu phố 11, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

2/ Ông **Trương Văn Ph-** sinh năm 1970, “vắng mặt”
Địa chỉ: khu 2, ấp Ba Tầng, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, Đồng Nai.
3/ Bà **Bùi Thị Tuyết H-** sinh năm 1964, “vắng mặt”
Địa chỉ : Ấp Suối Soong 2, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Bông trình bày:

Bà và ông Đá là vợ chồng. Số tiền cho ông Vân bà Hồng vay là tài sản chung của bà và ông Đá. Vào ngày 30/9/2010 ông Vân bà Hồng đã ký nhận nợ của bà tổng cộng số tiền 300.000.000đ vào « Giấy biên nhận » lập cùng ngày do bà viết. Trong đó ông Vân còn ghi dòng chữ « Tôi đã nhận đủ số tiền trên ». Thời hạn trả nợ là 01 năm, đến ngày 30/9/2011 ông Vân, bà Hồng phải trả đủ cho bà.

Sở dĩ trong « Giấy biên nhận » lập ngày 30/9/2010 có ghi « tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng » là bởi vì trong số nợ này có 150.000.000đ ông Vân và bà Hồng vay riêng và 150.000.000đ chuyển nợ từ công ty TNHH Tuyết Hồng sang cho ông Vân. Đồng thời không thỏa thuận về tiền lãi nên trong đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Vân bà Hồng trả lãi 1% tính từ ngày 30/9/2010 đến ngày khởi kiện (22/5/2018) là 91 tháng thành tiền là 274.000.000 đồng.

Về khoản nợ 150.000.000đ chuyển nợ từ công ty TNHH Tuyết Hồng sang cho ông Vân. Theo « Giấy cam kết nợ tiền » lập ngày 25/11/2009 là khoản nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn Tuyết Hồng do bà Bùi Thị Tuyết Hồng, ông Mai Văn Vân và ông Trương Văn Phi chót nợ với bà là 400.000.000 đồng. Trong giấy không thể hiện thời hạn trả tiền nhưng thực tế thời hạn cho trả nợ là rất ngắn, chỉ có vài ngày và các bên đã thỏa thuận: Nếu công ty TNHH Tuyết Hồng không trả tiền thì phải bồi thường cho bà số tiền là 50.000.000 đồng. Khi công ty Tuyết Hồng không còn hoạt động thì ông Vân ông Phi và bà Hồng thống nhất với bà chia số nợ của công ty thành nợ của cá nhân từng người và cụ thể mỗi người là 150.000.000 đồng. Bà xác định nợ của công ty Tuyết Hồng chỉ chuyển qua thành nợ riêng cho ông Vân, bà Tuyết Hồng và ông Phi không liên quan đến thành viên nào khác và cũng không có cá nhân nào trong công ty Tuyết Hồng phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà. Mỗi người đều có một giấy biên nhận nợ riêng. Đối với ông Vân thì khoản nợ này được lập thành giấy biên nhận đề ngày 1/7/2010. Trong « giấy biên nhận » này do bà thấy ông Vân không có tài sản gì để trả nợ nên bà mới buộc ông Vân ghi dòng chữ « Tôi đã nhận đủ số tiền trên » đồng thời bà cũng buộc ông Phi ký vào giấy biên nhận để phòng hờ ông Vân không trả được thì ông Phi phải trả vì ông Phi còn tài sản. Bà xác định số nợ này là của ông Vân chứ ông Phi đã có 1 giấy nợ riêng, bà Hồng cũng có 1 giấy nợ riêng. Ông Phi đã trả xong nợ cho bà. Còn bà Tuyết Hồng cũng trả trả nợ cho bà ngay sau khi bản án số 36/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán có hiệu lực pháp luật.

Còn lại 150.000.000 đồng khoản nợ ông Vân bà Hồng vay riêng, không thể chấp tài sản gì và vay sau thời điểm ông Vân bà Hồng ký kết Hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất với bà được công chứng ngày 06/10/2009 với diện tích đất chuyển nhượng cho bà là 9679m² trị giá 120.000.000 đồng. Khi ông Vân bà Hồng ký nhận vào giấy biên nhận lập ngày 30/9/2010 thì giấy nợ tiền 150.000.000 đồng ông Vân bà Hồng đã yêu cầu bà hủy bỏ. Còn giấy nợ chuyển nợ từ công ty Tuyết Hồng thành nợ cá nhân ngày 01/7/2010 thì bà phải lưu giữ để còn khởi kiện cả bà Bùi Thị Tuyết Hồng. Nay bà yêu cầu ông Vân, bà Hồng trả cho bà và ông Đá số tiền vay còn thiếu nợ là 300.000.000đ. Đối với số tiền lãi 274.000.000đ, bà không yêu cầu ông Vân bà Hồng trả nữa.

Trong bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Mai Văn Vân trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng là vợ chồng. Ông xác định ông là 1 trong 3 thành viên của công ty TNHH Tuyết Hồng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Bông. Tuy nhiên số tiền nợ từ công ty chuyển qua thành nợ của cá nhân ông chỉ là 100.000.000 đồng chứ không phải 150.000.000 đồng. Cho nên đối với giấy cam kết nợ tiền lập ngày 25/11/2009 nội dung công ty Tuyết Hồng nợ của bà Bông 400.000.000 đồng và không trả nợ thì phải bồi thường 50.000.000 đồng thì chữ viết tại giấy này là của ai viết ông không biết. Đối với chữ ký trong tài liệu này thì ông thừa nhận đó là chữ ký của ông. Nhưng không phải chữ ký do ông trực tiếp ký mà là do kỹ thuật phô tô copy. Đối với giấy biên nhận lập ngày 1/7/2010 được bà Bông trình bày là giấy chuyển nợ từ công ty thành nợ riêng của cá nhân ông thì ông cũng không thừa nhận do ông ký mà do bà Bông làm thủ thuật. Bởi vì khi ông nhận nợ 100.000.000 đồng từ công ty Tuyết Hồng chuyển qua nợ riêng cá nhân thì tất cả ông, bà Hồng và ông Phi không ai làm giấy tờ gì cả mà chỉ nói miệng với nhau chứ không lập giấy tờ. Dù ông không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và dù là thỏa thuận miệng phần nợ của ông từ công ty chuyển qua là 100.000.000 đồng nhưng ông đã nhận thì ông vẫn trả. Đồng thời ông cũng xác định công ty Tuyết Hồng hiện nay đã ngưng hoạt động nên khoản nợ của công ty Tuyết Hồng chỉ chuyển qua thành nợ riêng cho ông, bà Tuyết Hồng và ông Phi chứ không liên quan đến thành viên nào khác và chỉ có 3 người là ông (Vân), bà Tuyết Hồng và ông Phi phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Bông.

Theo bà Bông trình bày giấy nợ chuyển nợ từ công ty Tuyết Hồng chuyển qua thành nợ cá nhân ngày 01/7/2010 thì bà Bông lại lưu giữ khi viết giấy biên nhận ngày 30/9/2010. Với lý do vì có liên quan đến khoản nợ từ công ty Tuyết Hồng chuyển qua và bà Bông còn khởi kiện cả bà Bùi Thị Tuyết Hồng nữa. Còn giấy mượn nợ 150.000.000 đồng của vợ chồng ông thì bà Bông lại hủy bỏ theo yêu cầu của vợ chồng ông là không đúng sự thật. Ông xác định vợ chồng ông không vay nợ bà Bông số tiền 150.000.000 đồng. Vợ chồng ông chỉ vay bà Bông số tiền 120.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 80.000.000 đồng thông qua việc ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Bông được công chứng ngày 06/10/2009 với diện tích đất chuyển nhượng cho bà Bông là 9679m² trị giá 120.000.000 đồng.

Đối với tài liệu Giấy biên nhận lập ngày 30/9/2010 thể hiện ông và bà Hồng mượn của bà Bông tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết của ông và bà Hồng vợ của ông thì tại phiên tòa hôm nay ông cũng không thừa nhận. Bởi đây

là khoản nợ như bà Bông lý giải trong vụ án này gồm 2 khoản nợ là vô căn cứ. Ông chỉ xác nhận vợ chồng ông còn nợ bà Bông cũng là số tiền 300.000.000 đồng nhưng bao gồm 100.000.000 đồng là nợ từ công ty Tuyết Hồng chuyển qua và 120.000.000 đồng là khoản nợ vợ chồng ông vay thông qua việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Bông và 80.000.000 đồng tiền lãi ông tự nguyện trả cho bà Bông tính trên số tiền vay nợ gốc 120.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Mai Văn Vân đã trình bày trong quá trình tố tụng vì bà trước đây bà đã có văn bản ủy quyền cho ông Vân. Tại phiên tòa hôm nay bà cũng nhất trí với ý kiến ông Vân đã trình bày. Đối với khoản nợ từ công ty TNHH chuyển qua cho cá nhân ông Vân thì nay bà cũng tự nguyện chịu trách nhiệm cùng ông Vân trả nợ cho bà Bông và bà cũng đồng ý với ông Vân trả cho bà Bông số tiền 300.000.000 đồng và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đá đã ủy quyền cho bà Bông theo đúng quy định của pháp luật và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Phi trong quá trình tố tụng trình bày:

Đối với giấy cam kết nợ tiền lập ngày 25/11/2009 nội dung công ty Tuyết Hồng nợ của bà Bông 400.000.000 đồng thì ông thừa nhận chữ ký và họ tên trong giấy cam kết nợ tiền là của ông. Ông cũng xác định do công ty Tuyết Hồng đã ngưng hoạt động nên khoản nợ của công ty Tuyết Hồng chỉ chuyển qua thành nợ riêng cho ông, bà Tuyết Hồng và ông Vân mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho bà Bông số tiền là 150.000.000 đồng chứ không có liên quan đến thành viên nào khác. Đối với khoản nợ 150.000.000 đồng tại giấy biên nhận ngày 1/7/2010 mà bà Bông cung cấp cho Tòa có nội dung ông và ông Vân mượn tiền và ông Vân có ghi dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền trên” thì ông xác định đây là khoản nợ của ông Vân được chuyển nợ từ công ty Tuyết Hồng qua. Mỗi người (ông, bà Tuyết Hồng, ông Vân) 1 giấy khi chuyển từ nợ công ty Tuyết Hồng sang nợ riêng từng người và ai cũng phải ghi dòng chữ “tôi đã nhận đủ số tiền trên”. Ông đã trả cho bà Bông toàn bộ số nợ nên ông không chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Bông theo giấy biên nhận lập ngày 1/7/2010 mà bà Bông đã giao nộp cho Tòa trong vụ án giữa bà Bông và ông Vân.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tuyết Hồng trong quá trình tố tụng trình bày:

Bà Hồng không viết giấy cam kết nợ tiền lập ngày 25/11/2009. Về nội dung bà Hồng thừa nhận chữ ký và họ tên của bà trong tài liệu này là chữ ký và chữ viết họ tên của bà. Bà ký và giấy cam kết nợ tiền lập ngày 25/11/2009 là do ông Vân năn nỉ bà ký để lấy sổ đỏ về trả cho bà con nông dân. Lúc bà ký thì số tiền 400.000.000 đồng thì bỏ trống và theo bà là được ghi sau vì thể hiện 2 màu mực khác nhau. Phần nợ của bà từ công ty Tuyết Hồng chuyển qua là 100.000.000 đồng và thêm 30.000.000 đồng mượn thêm cho công ty cùng 20.000.000 đồng tiền lãi nên mới thành số nợ 150.000.000 đồng và bà đã trả xong số nợ này cho bà Bông.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tuyết Hồng chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua kiểm sát quá trình thụ lý giải quyết vụ án và toàn bộ hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Ngày 30/9/2010, bị đơn là vợ chồng ông Vân đã xác nhận nợ bà nguyên đơn là bà Bông 300.000.000 đồng, hai bên đã ký giấy biên nhận. Qua lời khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn cũng đã thừa nhận sẽ trả cho bà Bông số tiền 300.000.000 đồng. Tuy ông Vân khai rằng số tiền 300.000.000 đồng trong giấy biên nhận nợ ngày 30.9.2010 là có 100.000.000 đồng tiền chuyển nợ vay từ công ty Tuyết Hồng sang cho cá nhân ông và số tiền 200.000.000 đồng còn lại là gồm tiền gốc và lãi cá nhân ông đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay bà Bông vào thời điểm 06/10/2009 bằng hợp đồng chuyển nhượng giả cách, khác với nội dung bà Bông trình bày rằng trong tổng số tiền 300.000.000 đồng mà bà khởi kiện lần này, có 150.000.000 đồng là nợ chung từ Công ty Tuyết Hồng chuyển sang cho cá nhân ông và 150.000.000 đồng là tiền nợ riêng cá nhân của ông Vân; Nhưng ông Vân không đưa ra chứng cứ cho lời khai của mình; Bên cạnh đó, ông Vân cho rằng chữ ký trong các giấy cam kết ngày 25/9/2009 và giấy biên nhận ngày 01/7/2010 không phải chữ ký của ông nhưng ông không yêu cầu giám định nên không có cơ sở để xem xét. Xét thấy, việc vay mượn giữa vợ chồng ông Vân và bà Bông đã được lập thành văn bản là phù hợp với quy định tại Điều 471 bộ luật dân sự về hình thức của hợp đồng. Yêu cầu của bà Bông phù hợp với chứng cứ mà bà giao nộp tại Tòa án. Ông Vân có lời khai khác với yêu cầu của bà Bông nhưng ông Vân không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận. Bà Bông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Vân phải trả 300.000.000 đồng tiền đã vay và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở. Căn cứ Điều 471, 474, bộ luật dân sự 2005, buộc vợ chồng ông Vân phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay của bà Bông là 300.000.000 đồng, bà Bông không yêu cầu tính lãi suất quá hạn nên không tính lãi. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, bị đơn ông Vân sinh năm 1946 và bà Hồng sinh năm 1953 là người cao tuổi theo điều 2 Luật người cao tuổi nên căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016 ông Vân bà Hồng được miễn án phí DSST. Những kiến nghị là không có.

Bà Lê Thị Bông không phải chịu án phí DSST. Trả lại cho bà Lê Thị Bông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.480.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Khắc Đá đã ủy quyền cho bà Lê Thị Bông hợp pháp. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn Phi có đơn đề nghị vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Tuyết Hồng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trương Văn Phi và bà Bùi Thị Tuyết Hồng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của đương sự: Theo giấy biên nhận ghi ngày 30/9/2010 ông Vân bà Hồng có mượn của bà Bông tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Bông xác định không tranh chấp về hợp đồng vay tài sản mà chỉ yêu cầu bà Hồng ông Vân trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 300.000.000 đồng và đã rút yêu cầu trả lãi trên số nợ gốc. Do đó áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, Điều 184, 185 của BLTTDS 2015 xác định đây là tranh chấp về đòi lại tài sản thông qua giao dịch dân sự vay tài sản và không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đồng thời cũng xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi tài sản trong hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Căn cứ Điều 68 của BLTTDS xác định bà Lê Thị Bông là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hồng và ông Mai Văn Vân là bị đơn. Số tiền bà Bông cho ông Vân bà Hồng mượn là tài sản chung của bà Vân ông Phan Khắc Đá. Trong số tiền 300.000.000 đồng ông Vân bà Hồng còn nợ bà Bông thì bà Bông lý giải trong đó có khoản nợ 150.000.000 đồng là nợ từ công ty TNHH Tuyết Hồng chuyển qua và thành viên công ty phải trả nợ cho bà gồm có ông Mai Văn Vân, ông Trương Văn Phi và bà Bùi Thị Tuyết Hồng. Do đó xác định ông Phan Khắc Đá, ông Trương Văn Phi và bà Bùi Thị Tuyết Hồng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Bông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn Vân và bà Nguyễn Thị Hồng phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Bông và ông Phan Khắc Đá số tiền vay nợ gốc còn thiếu là 300.000.000 đồng.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Bông cung cấp bản chính các tài liệu gồm: 01 Giấy biên nhận lập ngày 30/9/2010, 01 Giấy biên nhận lập ngày 1/7/2010 và 01 Giấy cam kết nợ tiền lập ngày 25/11/2009. Trong đó Giấy biên nhận lập ngày 30/9/2010 có nội dung cụ thể như sau: *“Hôm nay ngày 30-9-2010 tôi Lê Thị Bông số nhà 13/72 KP 11 Phường Hồ Nai có cho ông Mai Văn Vân số nhà ấp 8 xã Thanh Sơn và bà Nguyễn Thị Hồng ngụ ấp 8 Thanh Sơn mượn số tiền tổng cộng (Ba trăm triệu đồng ông Vân cam kết đến ngày 30-9-2011 sẽ trả đủ cho tôi. Nếu gian dối ông bà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hồ Nai ngày 30-9-2010”*. Người mượn ký tên và ghi rõ họ tên Mai Văn Vân, Nguyễn Thị Hồng. Người cho mượn ký tên và

ghi rõ họ tên Lê Thị Băng. Ngoài ra còn có dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền trên” và có chữ ký, họ tên của Mai Văn Vân. Đối với 02 tài liệu là 01 Giấy biên nhận lập ngày 1/7/2010 và 01 Giấy cam kết nợ tiền lập ngày 25/11/2009 là tài liệu chứng minh cho việc chuyển khoản nợ 150.000.000 đồng của công ty Tuyết Hồng thành khoản nợ riêng của ông Vân.

Để chứng minh cho việc tại sao trong giấy biên nhận lập ngày 30/9/2010 lại có dòng chữ “tổng cộng ba trăm triệu đồng” bà Lê Thị Băng tranh luận: Sở dĩ trong « Giấy biên nhận » lập ngày 30/9/2010 có ghi « tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng » là bởi vì trong số nợ này có 150.000.000đ ông Vân và bà Hồng vay riêng và 150.000.000đ chuyển nợ từ công ty TNHH Tuyết Hồng sang cho ông Vân.

Về khoản nợ 150.000.000đ chuyển nợ từ công ty TNHH Tuyết Hồng sang cho ông Vân. Theo « Giấy cam kết nợ tiền » lập ngày 25/11/2009 là khoản nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn Tuyết Hồng do bà Bùi Thị Tuyết Hồng, ông Mai Văn Vân và ông Trương Văn Phi chót nợ với bà là 400.000.000 đồng. Trong giấy không thể hiện thời hạn trả tiền nhưng thực tế thời hạn cho trả nợ là rất ngắn, chỉ có vài ngày và các bên đã thỏa thuận: Nếu công ty TNHH Tuyết Hồng không trả tiền thì phải bồi thường cho bà số tiền là 50.000.000 đồng. Khi công ty Tuyết Hồng không còn hoạt động thì ông Vân ông Phi và bà Hồng thống nhất với bà chia số nợ của công ty thành nợ của cá nhân từng người và cụ thể mỗi người là 150.000.000 đồng. Mỗi người đều có một giấy biên nhận nợ riêng. Đối với ông Vân thì khoản nợ này được lập thành giấy biên nhận đề ngày 1/7/2010. Trong « giấy biên nhận » này do bà thấy ông Vân không có tài sản gì để trả nợ nên bà mới buộc ông Vân ghi dòng chữ « Tôi đã nhận đủ số tiền trên » đồng thời bà cũng buộc ông Phi ký vào giấy biên nhận để phòng hờ ông Vân không trả được thì ông Phi phải trả vì ông Phi còn tài sản. Bà xác định số nợ này là của ông Vân chứ ông Phi đã có 1 giấy nợ riêng, bà Hồng cũng có 1 giấy nợ riêng. Ông Phi đã trả xong nợ cho bà. Còn bà Tuyết Hồng cũng trả trả nợ cho bà ngay sau khi bản án số 36/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán có hiệu lực pháp luật.

Còn lại 150.000.000 đồng khoản nợ ông Vân bà Hồng vay riêng, không thể chấp tài sản gì và vay sau thời điểm ông Vân bà Hồng ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà được công chứng ngày 06/10/2009 với diện tích đất chuyển nhượng cho bà là 9679m² trị giá 120.000.000 đồng. Khi ông Vân bà Hồng ký nhận vào giấy biên nhận lập ngày 30/9/2010 thì giấy nợ tiền 150.000.000 đồng ông Vân bà Hồng đã yêu cầu bà hủy bỏ. Còn giấy nợ chuyển nợ từ công ty Tuyết Hồng thành nợ cá nhân ngày 01/7/2010 thì bà phải lưu giữ để còn khởi kiện cả bà Bùi Thị Tuyết Hồng.

Trong quá trình tố tụng, để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Mai Văn Vân và bà Nguyễn Thị Hồng (đã ủy quyền cho ông Vân) cho rằng ông bà còn nợ của bà Băng số tiền 300.000.000 đồng nhưng số nợ này bao gồm 100.000.000 đồng nợ từ công ty TNHH Tuyết Hồng chuyển qua và 200.000.000 đồng nợ (gốc 120.000.000 đồng và lãi 80.000.000 đồng) ông bà vay từ việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nhưng ông Vân không có tài liệu chứng cứ để chứng minh khoản nợ từ công ty TNHH Tuyết Hồng chuyển qua thành nợ của cá

nhân ông là 100.000.000 đồng cả. Bên cạnh đó ông Vân chỉ thừa nhận chữ ký của ông tại giấy biên nhận lập ngày 30/9/2010 còn chữ ký trong 2 tài liệu lập ngày 25/11/2009 và ngày 01/7/2010 ông không thừa nhận mà cho rằng đó là kỹ thuật phô tô trong khi đó tất cả tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì bà Bông đều giao nộp cho Tòa bản chính. Tòa án đã hướng dẫn giải thích cho ông Vân quyền và nghĩa vụ chứng minh nhưng ông Vân không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của ông với lý do ông không có tiền để trưng cầu giám định.

Tại phiên tòa, để tranh luận phản đối ý kiến của nguyên đơn, bị đơn ông Vân bà Hồng vẫn thừa nhận còn nợ bà Bông 300.000.000 đồng nhưng là khoản nợ khác trong đó gồm 100.000.000 đồng nợ công ty chuyển sang và nợ vay gốc 120.000.000 đồng cùng nợ lãi 80.000.000 đồng và cho rằng chữ ký của ông bà trong các tài liệu do bà Bông xuất trình là của ông bà nhưng không do ông bà trực tiếp ký và từ chối yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định.

Căn cứ Điều 91, Điều 96 BLTTDS thì các đương sự có nghĩa vụ chứng minh và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên ông Vân và bà Hồng không cung cấp được đầy đủ chứng cứ và không chứng minh được nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông Vân, bà Hồng và có đầy đủ cơ sở khẳng định ông Mai Văn Vân và bà Nguyễn Thị Hồng còn thiếu nợ 300.000.000 đồng của bà Hồng. Buộc ông Mai Văn Vân và bà Nguyễn Thị Hồng hoàn trả cho bà Lê Thị Bông và ông Phan Khắc Đá số tiền vay nợ gốc còn thiếu là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Bà Bông không yêu cầu ông Vân bà Hồng trả tiền lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Án phí: Ông Mai Văn Vân và bà Nguyễn Thị Hồng phải chịu án phí DSST như sau: $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$ (Mười lăm triệu đồng). Nhưng ông Vân bà Hồng là người cao tuổi nên theo quy định tại Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án ông Vân bà Hồng được miễn nộp án phí DSST.

Bà Lê Thị Bông không phải chịu án phí DSST. Trả lại cho bà Lê Thị Bông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.480.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 26; Điều 68; Điều 184, 185 của BLTTDS 2015; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 146, 147, 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219, Điều 471, 473, 474 BLDS 2005, Điều 357, 468, 688 BLDS 2015; Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1)- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp đòi tài sản trong hợp đồng vay tài sản” của bà Lê Thị Bông đối với ông Mai Văn Vân, bà Nguyễn Thị Hồng.

Buộc bà ông Mai Văn Vân, bà Nguyễn Thị Hồng hoàn trả cho bà Lê Thị Bông, ông Phan Khắc Đá số tiền vay nợ gốc còn thiếu là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2)- Về án phí: Ông Mai Văn Vân và bà Nguyễn Thị Hồng được miễn án phí DSST.

Bà Lê Thị Bông không phải chịu án phí DSST. Trả lại cho bà Lê Thị Bông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.480.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) bà Bông đã nộp theo biên lai số 005557 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Án xử công khai có mặt bà Lê Thị Bông, ông Mai Văn Vân, bà Nguyễn Thị Hồng, vắng mặt ông Phan Khắc Đá, ông Trương Văn Phi, bà Bùi Thị Tuyết Hồng. Báo cho bà Lê Thị Bông, ông Mai Văn Vân, bà Nguyễn Thị Hồng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho ông Phan Khắc Đá, ông Trương Văn Phi, bà Bùi Thị Tuyết Hồng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS H. Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRỊNH THỊ KHA